



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

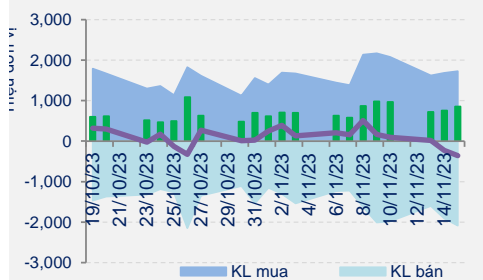
15/11/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

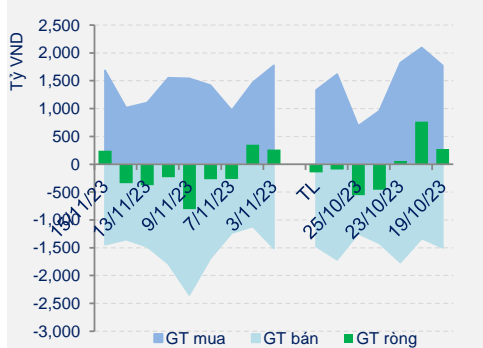
| Thông kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index | 1,122.50 | 227.88 |
| % Thay đổi | ↑ 1.15% | ↑ 0.20% |
| KLGD (CP) | 856,340,564 | 117,030,363 |
| GTGD (tỷ đồng) | 19,617.38 | 2,297.59 |
| Tổng cung (CP) | 2,083,102,326 | 194,882,000 |
| Tổng cầu (CP) | 1,725,052,550 | 148,387,100 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|---------|
| KL bán (CP) | 45,420,862 | 762,271 |
| KL mua (CP) | 51,901,598 | 537,300 |
| GT mua (tỷ đồng) | 1,685.40 | 13.11 |
| GT bán (tỷ đồng) | 1,443.69 | 18.92 |
| GT ròng (tỷ đồng) | 241.71 | (5.81) |

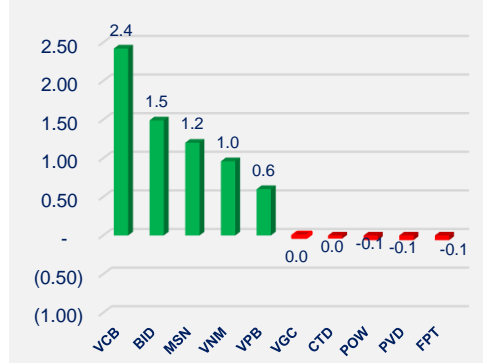
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Thị trường đón nhận thông tin CPI của Mỹ tháng 10/2023 tăng 3.2% so với cùng kỳ (thấp hơn dự báo 3,3%), CPI lõi tăng 4% so với cùng kỳ (dự báo 4.1% của các chuyên gia), các chỉ số chứng khoán Mỹ đêm qua đồng loạt tăng 1,43% - 2,13%; Theo Bloomberg, Trung Quốc có kế hoạch cung cấp ít nhất 1.000 tỷ nhân dân tệ (tương đương 137 tỷ USD) để cải tạo các khu ổ chuột và nhà ở giá rẻ của nước này. Đây có thể là nỗ lực mới nhất của Trung Quốc nhằm vực dậy thị trường bất động sản đang gặp khó khăn.

Thị trường khá lạc quan trước những thông tin trên khi VN-INDEX mở cửa tạo khoảng trống tăng giá mạnh lên vùng giá 1.125 điểm với thanh khoản gia tăng mạnh sau đó tiếp tục tăng lên vùng giá quanh 1.130 điểm với thanh khoản tăng chậm lại. VN-INDEX sau đó chịu áp lực rung lắc kiểm tra lại khoảng trống tăng giá đầu phiên khi điều chỉnh về vùng giá 1.115 điểm. Kết phiên VN-INDEX ở mức 1.122,50 điểm tăng 1,15% so với phiên trước, vượt lên vùng giá trung bình MA200 tương ứng 1.115 điểm với thanh khoản gia tăng tốt. HNX-INDEX tăng 0,20 điểm (+0,20%) lên 227,88 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết duy trì tích cực với 503 mã tăng giá (12 mã tăng trần), 187 mã giảm giá (07 mã giảm sàn) và 164 mã tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 21.907,92 tỷ đồng, tăng nhẹ 17,15% so với phiên trước, vượt mức trung bình, thể hiện dòng tiền cải thiện tốt trong thị trường với lực cầu giá lên gia tăng. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch, mua ròng trở lại 241,71 tỷ đồng trên HOSE, tập trung ở nhóm cổ phiếu thép, dịch vụ tài chính, chứng khoán; bán ròng trên HNX với giá trị 5,81 tỷ đồng.

Các cổ phiếu ngân hàng tiếp tục có diễn biến tích cực, nổi bật so với thị trường chung với thanh khoản gia tăng mạnh, nhiều mã đột biến tích cực như ACB (+2,42%), VCB (+1,98%), OCB (+0,72%), NAB (+2,08%), SHB (+0,87%)...

Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán tiếp tục giao dịch sôi động với thanh khoản tiếp tục gia tăng vượt mức trung bình, tuy nhiên kết phiên biến động tăng giá nhẹ với BSI (+1,98%), FTS (+1,46%), VIX (+1,24%), VCI (+1,23%)... khi hầu hết nhóm mã này đã phục hồi tăng giá khá mạnh từ vùng giá VN-INDEX 1.020 điểm.

Các mã nhóm bất động sản có diễn biến phân hóa hơn, đa số tăng giá nhẹ với thanh khoản cải thiện như VHM (+1,10%), ITC (-1,10%), NDN (+1,00%), NVL (+0,93%).... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh với HDC (-1,17%), QCG (-0,89%), NLG (-0,81%), CII (-0,58%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu bán lẻ tiếp tục có diễn biến tích cực, thanh khoản gia tăng tốt vượt mức trung bình mặc dù đây là nhóm mã chịu áp lực bán ròng liên tiếp của khối ngoại với MSN (+5,11%), PET (+4,17%), DGW (+1,19%), MWG (+0,96%)....

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2311 tăng mạnh 14 điểm (1,25%), chênh lệch dương gia tăng lên 2,10 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng nhẹ, khối lượng mở OI giảm mạnh khi sắp đến thời điểm đáo hạn trong phiên đến. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2312, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -1,50 điểm đến -5,00 điểm, mức độ chênh lệch thu hẹp. Cho thấy các trader duy trì lạc quan ngắn hạn với VN30, dịch chuyển đầu cơ sang kỳ hạn VN30F2312 và gia tăng các vị thế mua trên các kỳ hạn ngắn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục hồi phục tốt sau khi test hỗ trợ 1.100 thành công và gần như đã vào nhịp hồi phục tiếp theo, chốt phiên VnIndex tăng +12,77 điểm (+1,15%) và đóng cửa ở 1.122,50 điểm. Thị trường đang trong giai đoạn hồi phục kỹ thuật tích cực, do nhịp giảm điểm thời gian qua quá mạnh nên nhịp hồi kỹ thuật đầu tiên đang diễn ra cũng sẽ mạnh, chúng tôi cho rằng nhịp tăng sẽ còn tiếp diễn trước khi thị trường đi vào vận động swing với biên độ hẹp dần. Với trạng thái hồi phục tích cực chúng tôi cho rằng khu vực cân bằng mới để tích lũy lại có khả năng trong vùng điểm số 1.100 -1.150.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, đà hồi phục mạnh đưa VnIndex trở lại trên hỗ trợ 1.100 và thoát khỏi trì kéo của nền tích lũy cũ, tuy nhiên nhịp hồi phục này mang tính kỹ thuật bởi VnIndex đã đánh mất xu hướng uptrend đồng thời đã giảm sâu khiến động lực tăng có thể mạnh nhưng không bền. Thị trường hiện đã test hỗ trợ thành công và đang trong nhịp hồi phục mới nhưng sẽ sớm gặp cản ngắn hạn 1.150, chúng tôi cho rằng VnIndex sau nhịp phục hồi tiếp theo sẽ vận động swing chặt dần để hình thành nền tích lũy mới.

Về góc nhìn trung hạn, sau giai đoạn thị trường giảm sâu thì thị trường cần vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại, với biên độ giao động rộng nên thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài. Điểm số VnIndex đang thoát khỏi trì kéo của nền tích lũy trung hạn trước đây, rất có khả năng VnIndex sẽ vận động kéo dài trong khu vực 1.100 -1.150 để hình thành nền tích lũy trung hạn.

Tình hình vĩ mô trong nước mặc dù ổn định với thống kê tăng trưởng GDP các quý đang tăng dần nhưng tốc độ tăng trưởng không đạt kỳ vọng, tăng trưởng tín dụng yếu cho thấy nền kinh tế đang có khả năng hấp thụ vốn thấp, những khó khăn đối với thị trường BDS và đặc biệt là thị trường trái phiếu vẫn chưa có bước chuyển biến căn cơ. Tình hình kinh tế toàn cầu hiện cũng đang khó lường khi kinh tế toàn cầu vẫn bất ổn và tăng trưởng thấp đặc biệt là khu vực EU có nhiều nền kinh tế bước vào suy thoái như Đức, Hà Lan... và với việc giá năng lượng đang có xu hướng tăng mạnh trở lại khi mùa đông đến gần cũng tạo thêm nguy cơ lạm phát tiếp tục tăng trở lại.. Với tình trạng vĩ mô tốt xấu đan xen, việc thị trường hướng tới vận động tìm điểm cân bằng lại để tích lũy là phù hợp.

Thị trường đang có xu hướng hồi phục tích cực sau nhịp giảm sâu, trong ngắn hạn mặc dù VnIndex vẫn có thể tiếp diễn xu hướng tăng điểm nhưng mọi nỗ lực phục hồi ngắn hạn đều mang tính kỹ thuật hàm chứa rủi ro. Nhịp hồi phục ngắn hạn đầu tiên sau nhịp giảm sâu thường khá mạnh nên nhà đầu tư ngắn hạn vẫn có thể giải ngân. Với nhà đầu tư trung, dài hạn thì thị trường vẫn đã được xác nhận là qua đáy downtrend tại 950 điểm mặc dù hiện tại xu hướng uptrend kết thúc nhưng khả năng cao thị trường sẽ đi vào vùng tích lũy lại do đó nhà đầu tư dài hạn không cần quá lo ngại, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể chờ cơ hội giải ngân thêm khi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

15/11/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

| Mã | Giá hiện tại (1.000đ) | Vùng mua dự kiến (1.000 đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Thông số cơ bản | | | Điều kiện giải ngân |
|-----|--------------------------|----------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| | | | | | P/E | T.trường Doanh thu | T.trường Lợi nhuận | |
| PVS | 36.90 | 30-32 | 38.5-40 | 29 | 20.0 | 19.2% | -26.6% | Theo dõi chờ giải ngân |
| BFC | 20.20 | 19.5-21 | 26-27 | 18 | 9.0 | 18.5% | 1227.6% | Theo dõi chờ giải ngân |

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị thế | Mã | Giá hiện tại (1.000đ) | Giá mua (1.000đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Hiệu quả đầu tư (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|----------------|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------|----------------------------|
| 19/5/2023 | DPR | 31.0 | 25.9 | 35-37 | 30 | 19.7% | Nắm giữ |
| 1/11/2023 | KBC | 30.7 | 25.8 | 31-32 | 29 | 19.0% | Nắm giữ |
| 1/11/2023 | BVS | 25.0 | 22.3 | 26-27 | 24 | 12.1% | Nắm giữ |
| 1/11/2023 | DTD | 23.5 | 18.6 | 26-27 | 22 | 26.3% | Nắm giữ |
| 2/11/2023 | CTD | 61.8 | 52 | 65-67 | 60 | 18.8% | Nắm giữ |
| 2/11/2023 | PLC | 30.1 | 26.8 | 30-31 | 29 | 12.3% | Nắm giữ |
| 8/11/2023 | PVT | 25.3 | 24.45 | 30-31 | 24 | 3.5% | Nắm giữ |
| 8/11/2023 | PHR | 47.0 | 45.1 | 52-53 | 45 | 4.1% | Nắm giữ |



TIN VĨ MÔ

Thủ tướng yêu cầu tìm lời giải cho bài toán của du lịch Việt

Bộ VH-TT-DL đề xuất (1) Tăng cường phối hợp liên ngành, nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách tạo thuận lợi hơn nữa cho việc phục hồi, phát triển du lịch; (2) Nghiên cứu đề xuất miễn thị thực ngắn hạn cho khách du lịch từ một số thị trường tiềm năng, quy mô lớn như Trung Quốc, Ấn Độ... và mở rộng miễn thị thực đơn phương cho công dân các nước có trình độ phát triển cao hơn Việt Nam, chỉ tiêu du lịch lớn như Úc, Canada, Mỹ, các nước còn lại trong Liên minh châu Âu... ; (3) Thí điểm việc cấp thị thực tại cửa khẩu trên cơ sở xét duyệt nhân sự tại chỗ cho khách du lịch quốc tế; (4) Thí điểm cấp thị thực dài hạn (3 năm, 5 năm); (5) Tối ưu hóa, đơn giản hoá quy trình xin cấp thị thực điện tử.

Mức thu phí sử dụng cao tốc 85.813 tỷ nổi Hà Nội với 2 tỉnh

UBND TP Hà Nội vừa đề nghị Bộ GTVT và hai tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên thống nhất mức giá và lộ trình tăng phí dịch vụ sử dụng đường Vành đai 4 vùng Thủ Đô, trong đó xe dưới 12 chỗ có mức phí từ 1.900 đồng/km. Theo đó, Hà Nội đề xuất thu phí sử dụng theo các nhóm xe. Trong đó thấp nhất là nhóm 1 gồm xe dưới 12 chỗ, xe tải dưới 2 tấn có mức phí thấp nhất mỗi km là 1.900 đồng. Cao nhất là nhóm 5 gồm xe tải từ 18 tấn trở lên, container 40 ft có mức phí 7.220 đồng. Như vậy, mức phí thấp nhất với xe dưới 12 chỗ, lưu thông trên toàn bộ Vành đai 4 dài 113 km, mức phí dự kiến khoảng 214.000 đồng, xe nhóm 5 khoảng 815.000 đồng. Mức phí các loại phương tiện được tăng 3 năm một lần cho đến thời điểm dự án hoàn vốn.



TIN DOANH NGHIỆP

THACO vừa phát hành lô trái phiếu lớn nhất từ đầu năm

Ngày 14/11, CTCP Tập đoàn Trường Hải (THACO Group) đã phát hành thành công lô trái phiếu với tổng giá trị 8.680 tỷ đồng. Trái phiếu có mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu, lãi suất được công bố là 6%/năm, đáo hạn vào ngày 14/11/2028 (tức kỳ hạn 5 năm). Các thông tin khác như bên mua lại, đơn vị đứng ra sắp xếp thương vụ,... không được công bố. Đây là lô trái phiếu đơn lẻ có giá trị phát hành lớn nhất từ đầu năm và Thaco cũng trở thành doanh nghiệp có giá trị phát hành trái doanh nghiệp lớn thứ 2 trong năm nay, sau Công ty Capitaland Tower với 4 lô trái phiếu trị giá 12.240 tỷ đồng. Trước đó, theo thông tin từ HNX THACO đang còn 3 lô trái phiếu còn lưu hành với tổng giá trị phát hành là 6.400 tỷ đồng, đều với kỳ hạn 5 năm, lãi suất dao động từ 8 - 9,8%/năm. Trong nửa đầu năm nay, Thaco đã thanh toán gần 296 tỷ đồng tiền lãi trái phiếu.

Đất Xanh Group đang làm thủ tục giải thể cho 8 công ty con, nhân sự giảm gần 5.000 người so với thời cao điểm

Theo BCTC quý 3/2023 của CTCP Tập đoàn Đất Xanh (mã chứng khoán: DXG), hiện công ty BĐS này đang làm thủ tục giải thể 8 công ty con, gồm: CTCP Đầu tư Bất động sản Miền Đông, Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Đông Nam Bộ, công ty TNHH Đất Xanh Finance, Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Phước, Đầu tư Diamond Tower, Đầu tư Ruby Tower, Đầu tư Shapphire và Đầu tư Emerald Tower. Các công ty này đều do Đất Xanh Group nắm từ 99-100% vốn điều lệ. Nếu hoàn tất thủ tục giải thể, số lượng công ty con của tập đoàn này sẽ giảm từ 86 công ty xuống còn 78 đơn vị. Bên cạnh đó, DXG cũng mạnh tay cắt giảm quy mô nhân sự. Tại ngày 30/9/2023, số lượng nhân viên của DXG là 2.484 người, giảm 1.289 nhân sự so với thời điểm đầu năm.

BIDV chốt quyền chia cổ tức 2022

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông báo chốt quyền trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 28/11/2023. Với tỷ lệ thực hiện 12.69%/cổ phiếu và gần 5.1 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, BIDV dự kiến phát hành gần 642 triệu cp để trả cổ tức năm 2022. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá đạt 6,419 tỷ đồng. Sau khi hoàn tất đợt phát hành, vốn điều lệ của BIDV sẽ tăng từ 50,585 tỷ đồng lên 57,004 tỷ đồng.

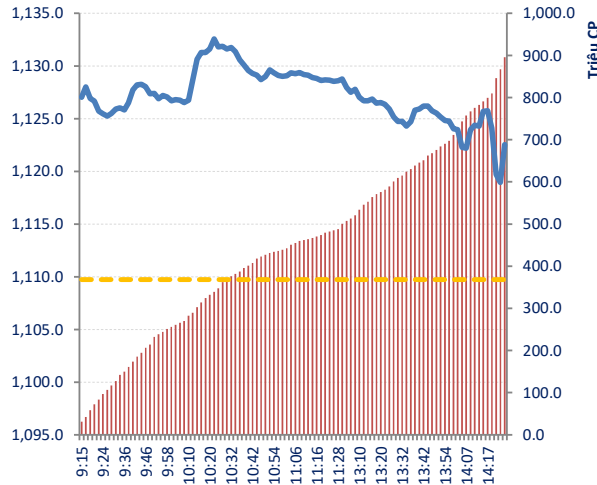
HAG bán được 442 tấn sầu riêng trong tháng 10

Tháng 10, HAG mang về 711 tỷ đồng doanh thu, trong đó ngành cây ăn trái có doanh thu lớn nhất 410 tỷ đồng, xếp sau là ngành chăn nuôi 198 tỷ đồng và ngành phụ trợ thu về 103 tỷ đồng. Về sản lượng, ngành chăn nuôi tiêu thụ 35,300 con heo thịt, ngành cây ăn trái tiêu thụ được 39,100 tấn chuối và 442 tấn sầu riêng. Trước đó, Chủ tịch HĐQT HAG cho biết sầu riêng là giá trị lớn nhất trong tương lai của Hoàng Anh Gia Lai. Hiện, Công ty đang tập trung vào “2 cây và 1 con”; cụ thể là chăn nuôi heo, trồng cây chuối và sầu riêng.

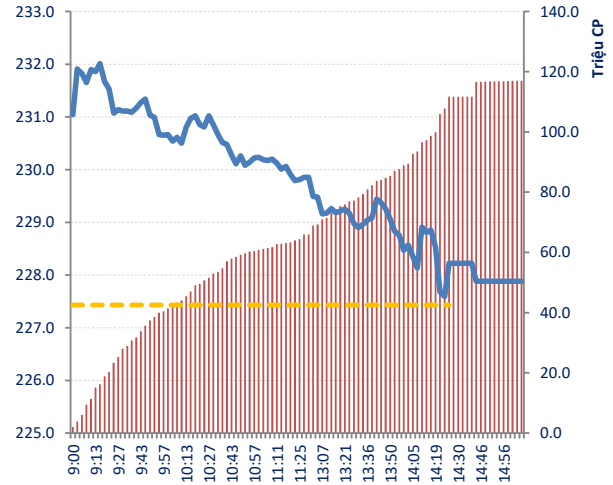


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

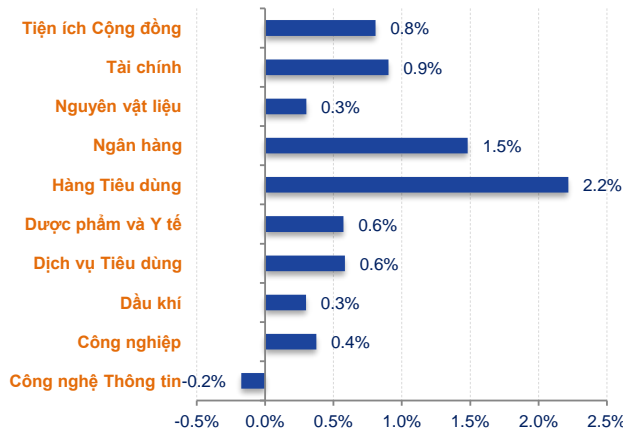
KLGD và VN-Index trong phiên



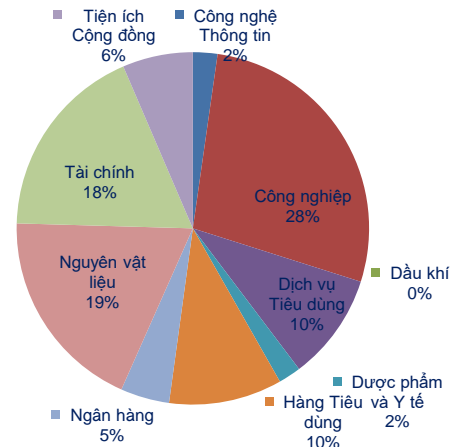
KLGD và HNX-Index trong phiên



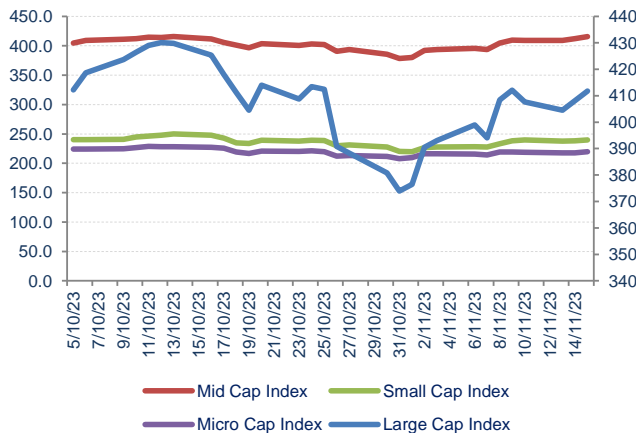
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



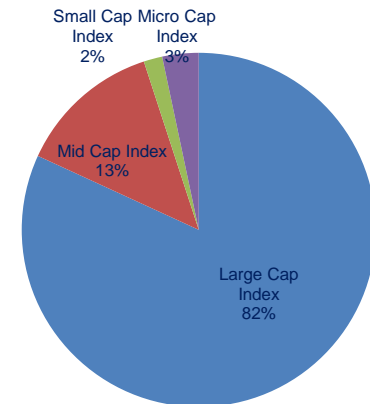
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng | TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | DXG | 2,656,393 | SHB | 1,750,800 | 1 | IDC | 154,800 | HUT | 141,900 |
| 2 | SSI | 2,607,319 | STB | 1,747,533 | 2 | MST | 130,300 | PVS | 117,000 |
| 3 | HDB | 1,955,300 | VHM | 1,366,944 | 3 | TTH | 108,800 | VGS | 66,803 |
| 4 | OCB | 1,683,200 | MWG | 945,300 | 4 | VIG | 11,000 | MBS | 54,600 |
| 5 | HSG | 1,485,191 | VIC | 896,880 | 5 | GKM | 6,000 | CEO | 53,900 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD | Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|---------|------------|-----|------------|----------|----------|------------|
| VIX | 16.15 | 16.35 | ↑ 1.24% | 40,181,500 | SHS | 17.60 | 17.70 | ↑ 0.57% | 34,184,931 |
| SHB | 11.45 | 11.55 | ↑ 0.87% | 34,864,700 | CEO | 22.70 | 22.60 | ↓ -0.44% | 16,995,446 |
| HPG | 27.00 | 27.00 | → 0.00% | 34,793,000 | PVS | 37.20 | 36.90 | ↓ -0.81% | 8,877,710 |
| ACB | 22.70 | 23.25 | ↑ 2.42% | 32,333,400 | HUT | 19.90 | 20.10 | ↑ 1.01% | 6,365,260 |
| NVL | 16.10 | 16.25 | ↑ 0.93% | 30,081,700 | MBS | 20.90 | 21.10 | ↑ 0.96% | 5,616,780 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % | Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|-----|------------|----------|------|----------|
| STG | 46.00 | 49.20 | 3.20 | ↑ 6.96% | DHP | 12.00 | 13.20 | 1.20 | ↑ 10.00% |
| COM | 28.10 | 30.05 | 1.95 | ↑ 6.94% | DNC | 40.10 | 44.10 | 4.00 | ↑ 9.98% |
| NHH | 20.90 | 22.35 | 1.45 | ↑ 6.94% | PJC | 22.50 | 24.70 | 2.20 | ↑ 9.78% |
| CLW | 29.80 | 31.85 | 2.05 | ↑ 6.88% | VIT | 13.70 | 15.00 | 1.30 | ↑ 9.49% |
| EVF | 13.95 | 14.90 | 0.95 | ↑ 6.81% | NAP | 5.30 | 5.80 | 0.50 | ↑ 9.43% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % | Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|-----|------------|----------|-------|----------|
| PNC | 9.89 | 9.20 | -0.69 | ↓ -6.98% | VTC | 14.10 | 12.70 | -1.40 | ↓ -9.93% |
| DRL | 68.40 | 65.00 | -3.40 | ↓ -4.97% | HCT | 11.40 | 10.30 | -1.10 | ↓ -9.65% |
| NAV | 16.45 | 15.65 | -0.80 | ↓ -4.86% | VTH | 7.30 | 6.60 | -0.70 | ↓ -9.59% |
| SPM | 12.00 | 11.50 | -0.50 | ↓ -4.17% | MKV | 11.50 | 10.40 | -1.10 | ↓ -9.57% |
| AST | 52.10 | 50.20 | -1.90 | ↓ -3.65% | KHS | 10.50 | 9.50 | -1.00 | ↓ -9.52% |

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| VIX | 40,181,500 | 8.2% | 1,005 | 16.1 | 1.3 |
| SHB | 34,864,700 | 15.9% | 2,036 | 5.6 | 0.8 |
| HPG | 34,793,000 | 1.9% | 322 | 83.9 | 1.6 |
| ACB | 32,333,400 | 23.8% | 3,839 | 5.9 | 1.3 |
| NVL | 30,081,700 | -1.4% | (309) | - | 0.7 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| SHS | 34,184,931 | 5.4% | 643 | 27.4 | 1.4 |
| CEO | 16,995,446 | 6.7% | 955 | 23.8 | 1.8 |
| PVS | 8,877,710 | 6.7% | 1,846 | 20.2 | 1.3 |
| HUT | 6,365,260 | 0.8% | 122 | 163.5 | 1.6 |
| MBS | 5,616,780 | 10.4% | 1,104 | 18.9 | 1.9 |

Top Độ biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| STG | ↑ 7.0% | 8.3% | 1,838 | 25.0 | 2.0 |
| COM | ↑ 6.9% | 2.9% | 880 | 31.9 | 0.9 |
| NHH | ↑ 6.9% | 7.2% | 1,302 | 16.1 | 1.1 |
| CLW | ↑ 6.9% | 22.0% | 4,328 | 6.9 | 1.5 |
| EVF | ↑ 6.8% | 9.0% | 1,087 | 12.8 | 1.2 |

Top Độ biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| DHP | ↑ 10.0% | 6.3% | 1,110 | 10.8 | 0.7 |
| DNC | ↑ 10.0% | 33.2% | 5,043 | 8.0 | 2.3 |
| PJC | ↑ 9.8% | 19.2% | 3,609 | 6.2 | 1.2 |
| VIT | ↑ 9.5% | 2.5% | 303 | 45.2 | 1.1 |
| NAP | ↑ 9.4% | 8.5% | 942 | 5.6 | 0.5 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|-------|-----|
| DXG | 2,656,393 | -2.0% | (456) | - | 0.9 |
| SSI | 2,607,319 | 8.9% | 1,346 | 23.6 | 2.1 |
| HDB | 1,955,300 | 20.7% | 2,926 | 6.4 | 1.3 |
| OCB | 1,683,200 | 16.9% | 2,201 | 6.3 | 1.0 |
| HSG | 1,485,191 | 0.2% | 37 | 584.6 | 1.2 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| IDC | 154,800 | 17.0% | 3,177 | 15.4 | 2.9 |
| MST | 130,300 | 7.8% | 891 | 5.8 | 0.4 |
| TTH | 108,800 | 1.1% | 122 | 35.2 | 0.4 |
| VIG | 11,000 | 6.8% | 501 | 15.2 | 1.1 |
| GKM | 6,000 | 13.6% | 1,538 | 22.2 | 2.5 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 480,662 | 22.6% | 6,013 | 14.3 | 3.0 |
| BID | 217,517 | 17.6% | 3,887 | 11.1 | 1.8 |
| GAS | 181,672 | 19.0% | 5,283 | 15.0 | 2.9 |
| VHM | 178,529 | 25.0% | 9,468 | 4.3 | 1.0 |
| VIC | 171,436 | 2.7% | 977 | 46.0 | 1.2 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| PVS | 17,780 | 6.7% | 1,846 | 20.2 | 1.3 |
| HUT | 17,761 | 0.8% | 122 | 163.5 | 1.6 |
| IDC | 16,170 | 17.0% | 3,177 | 15.4 | 2.9 |
| SHS | 14,312 | 5.4% | 643 | 27.4 | 1.4 |
| THD | 13,975 | 2.9% | 460 | 78.9 | 2.3 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| QCG | 3.00 | -0.2% | (32) | - | 0.7 |
| VIX | 2.68 | 8.2% | 1,005 | 16.1 | 1.3 |
| GEX | 2.66 | 2.0% | 511 | 43.3 | 0.9 |
| CTS | 2.65 | 7.9% | 1,020 | 25.4 | 1.9 |
| FTS | 2.52 | 14.4% | 2,301 | 17.8 | 2.4 |

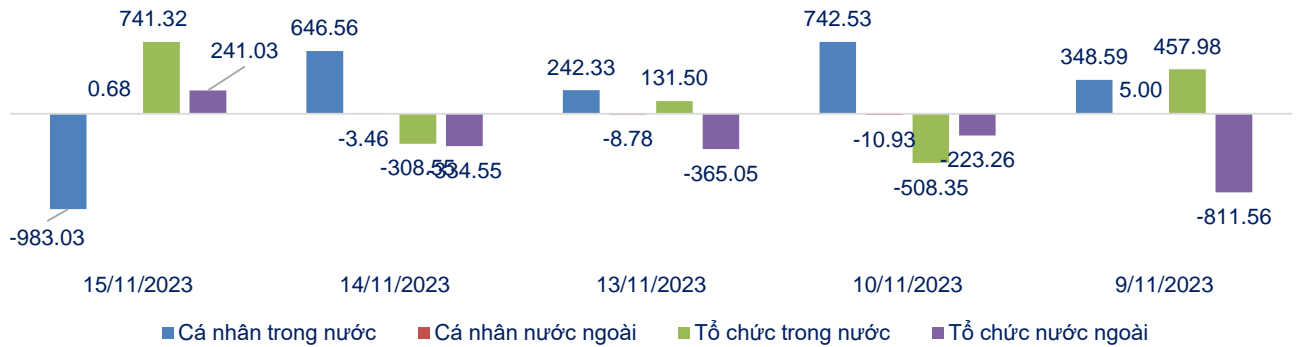
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|------|-----|-------|-----|
| VC7 | 2.94 | 6.2% | 668 | 23.8 | 1.5 |
| SHS | 2.43 | 5.4% | 643 | 27.4 | 1.4 |
| IVS | 2.41 | 3.4% | 362 | 27.1 | 0.9 |
| VIG | 2.33 | 6.8% | 501 | 15.2 | 1.1 |
| HUT | 2.16 | 0.8% | 122 | 163.5 | 1.6 |



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| MWG | 97.48 | 3.0% | 476 | 87.2 | 2.6 |
| STB | 29.05 | 17.5% | 3,825 | 7.8 | 1.3 |
| NHH | 28.85 | 7.2% | 1,302 | 16.1 | 1.1 |
| MSB | 27.11 | 17.2% | 2,471 | 5.5 | 0.9 |
| EIB | 24.82 | 8.3% | 1,013 | 18.7 | 1.5 |

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| DGC | -116.47 | 29.7% | 9,010 | 10.4 | 2.8 |
| NVL | -102.46 | -1.4% | (309) | - | 0.7 |
| SSI | -91.95 | 8.9% | 1,346 | 23.6 | 2.1 |
| VNM | -82.26 | 24.4% | 4,029 | 17.1 | 4.2 |
| EVF | -74.00 | 9.0% | 1,087 | 12.8 | 1.2 |

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| MBB | 14.30 | 22.4% | 4,290 | 4.3 | 1.0 |
| SAB | 3.02 | 16.5% | 3,286 | 18.9 | 3.0 |
| CTG | 1.63 | 15.7% | 3,773 | 7.9 | 1.2 |
| ORS | 1.17 | 6.5% | 782 | 21.0 | 1.3 |
| PC1 | 0.70 | 3.6% | 936 | 32.0 | 1.1 |

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| SSI | -6.22 | 8.9% | 1,346 | 23.6 | 2.1 |
| DGC | -2.59 | 29.7% | 9,010 | 10.4 | 2.8 |
| VND | -2.32 | 7.8% | 957 | 21.3 | 1.6 |
| EIB | -2.18 | 8.3% | 1,013 | 18.7 | 1.5 |
| SHB | -2.02 | 15.9% | 2,036 | 5.6 | 0.8 |

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| NVL | 111.36 | -1.4% | (309) | - | 0.7 |
| EVF | 73.98 | 9.0% | 1,087 | 12.8 | 1.2 |
| DGC | 70.74 | 29.7% | 9,010 | 10.4 | 2.8 |
| ACB | 68.68 | 23.8% | 3,839 | 5.9 | 1.3 |
| VPB | 65.21 | 9.7% | 1,513 | 13.0 | 1.1 |

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | -59.21 | 22.6% | 6,013 | 14.3 | 3.0 |
| MWG | -57.43 | 3.0% | 476 | 87.2 | 2.6 |
| NHH | -30.58 | 7.2% | 1,302 | 16.1 | 1.1 |
| MSB | -26.98 | 17.2% | 2,471 | 5.5 | 0.9 |
| EIB | -18.90 | 8.3% | 1,013 | 18.7 | 1.5 |

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

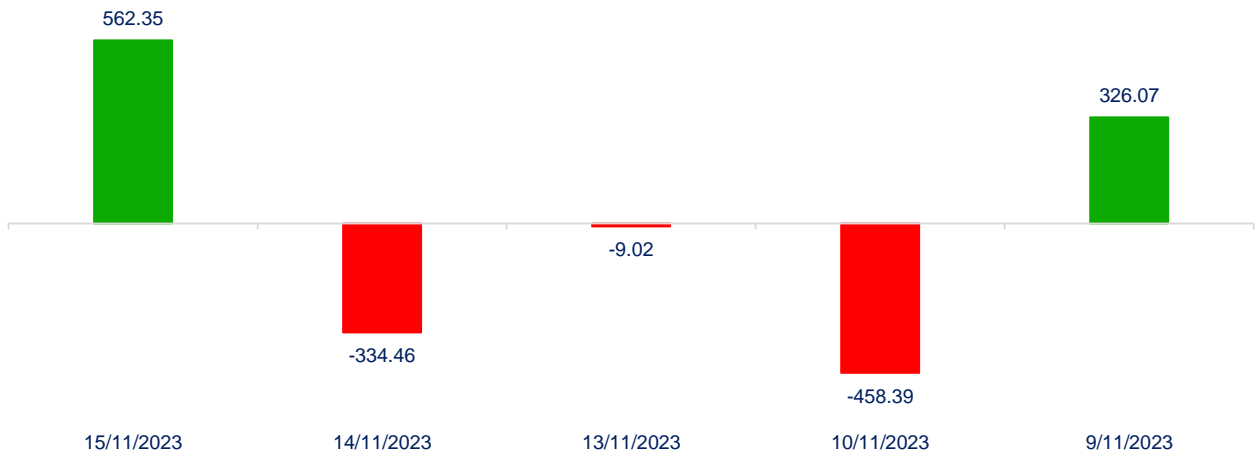
| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| SSI | 91.05 | 8.9% | 1,346 | 23.6 | 2.1 |
| VCB | 72.34 | 22.6% | 6,013 | 14.3 | 3.0 |
| DXG | 54.49 | -2.0% | (456) | - | 0.9 |
| DGC | 48.32 | 29.7% | 9,010 | 10.4 | 2.8 |
| KDH | 41.43 | 5.9% | 980 | 32.6 | 1.7 |

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

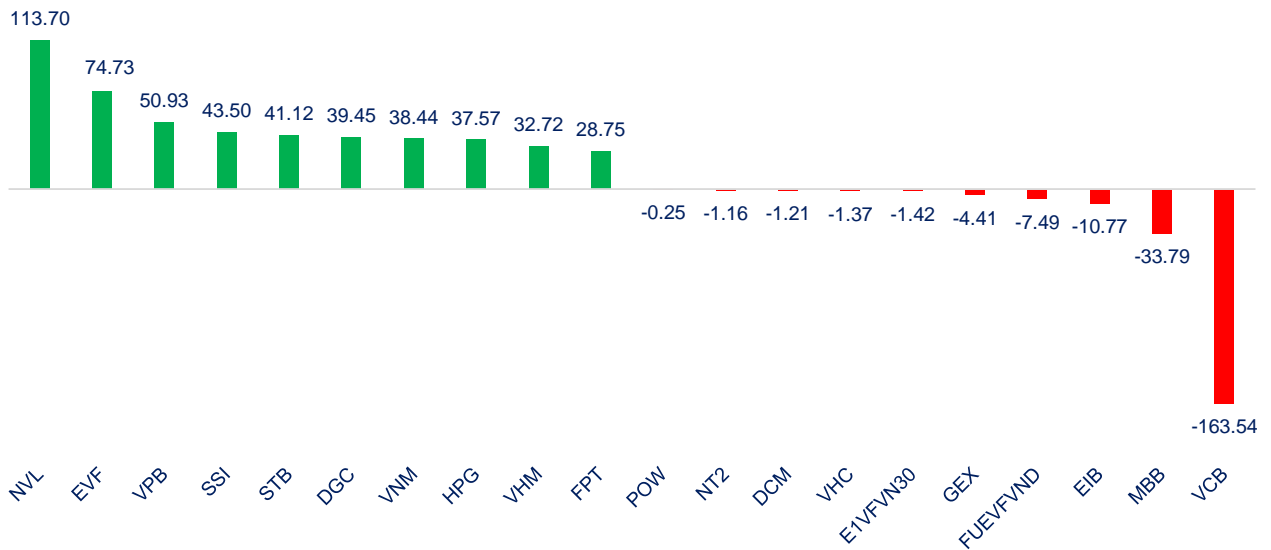
| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VHM | -56.12 | 25.0% | 9,468 | 4.3 | 1.0 |
| STB | -53.15 | 17.5% | 3,825 | 7.8 | 1.3 |
| VIC | -41.08 | 2.7% | 977 | 46.0 | 1.2 |
| MWG | -40.17 | 3.0% | 476 | 87.2 | 2.6 |
| SAB | -31.31 | 16.5% | 3,286 | 18.9 | 3.0 |



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn